TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2022/DS-ST
Ngày: 25/3/2022
V/v: Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Lê Kim Phương
2. Ông Phạm Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021, về việc *"Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-DS ngày 28/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**
Địa chỉ: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

1) Ông Vương Văn Thành – Trưởng bộ phận xử lý nợ
2) Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Chuyên viên cao cấp xử lý nợ
3) Bà Phạm Thị Huyền – Chuyên viên xử lý nợ

Theo Văn bản ủy quyền số 1306/2021/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 13/12/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
Có mặt bà Liên và bà Huyền tại phiên tòa.

Bị đơn: **Chị Đào Hoàng Y**, sinh năm 199x
Địa chỉ: Tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ***Bà Ngô Thị Ph***, sinh năm 1953; địa chỉ: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số công chứng 4195/2021/GUQ, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2021 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Trà Giang)

Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Ngô Thế Th – Công ty Luật TNHH DG (địa chỉ: phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội) – *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ông Ngô Văn Th**, sinh năm 196x
2. **Bà Đỗ Thị H**, sinh năm 196y
3. **Anh Ngô Ngọc Ch**, sinh năm 199z
4. **Chị Trịnh Thị Như Q**, sinh năm 199k
5. **Cháu Ngô Trịnh Khánh An** (do anh Ch, chị Q đại diện)

Cùng địa chỉ: số 74 ngõ 56 phố Thạch Cầu, Tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*** (sau đây gọi tắt là *"Vp Bank"* hoặc *"Ngân hàng"* hoặc *"nguyên đơn"*) ***trình bày:*** Chị Đào Hoàng Y đã giao kết với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) 05 (năm) **văn kiện tín dụng**, cụ thể như sau:

1) Hợp đồng tín dụng số LN170120017751 ký **ngày 08/02/2017**:

✓ Số tiền vay: 2.700.000.000 đồng

✓ Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên

✓ Mục đích vay: tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình

✓ Lãi trong hạn: tại thời điểm giải ngân là 12%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/7/2017. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tương ứng với kỳ hạn của hợp đồng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ;

✓ Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

2) Hợp đồng số LD1711100973 ký ngày 19/4/2017:

✓ Số tiền vay: 100.000.000 đồng

✓ Thời hạn vay: 48 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên

✓ Mục đích vay: tiêu dùng

✓ Lãi suất trong hạn: 20%/năm

✓ Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

3) Hợp đồng số LD1729100300 ký ngày 16/10/2017:

✓ Số tiền vay: 87.000.000 đồng

✓ Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên

✓ Mục đích vay: mua sắn đồ đạc gia đình

✓ Lãi suất trong hạn: 20%/năm

✓ Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

4) Hợp đồng số LD1801000377 ký ngày 25/12/2017:

✓ Số tiền vay: 28.000.000 đồng

✓ Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên

✓ Mục đích vay: mua sắm đồ đạc gia đình

✓ Lãi suất trong hạn: 20%/năm

✓ Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

5) Hợp đồng thẻ tín dụng số 240-P-643900 mở ngày 10/3/2017:

✓ Hạn mức: 300.000.000 đồng

✓ Loại thẻ: Master Card Platinum Credit

Tài sản đảm bảo của các khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 43-2, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Chị Đào Hoàng Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 429092, số vào sổ cấp GCN: 1444 do UBND quận Long Biên cấp ngày 29/9/2011, đăng ký sang tên cho chị Y ngày 24/12/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Long Biên, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 388/2017, quyển số 01-2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/02/2017 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội cùng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp (theo điểm e, khoản 2 Điều 5 HĐTC).

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 25/9/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các văn kiện tín dụng.

Tính đến ngày 25/7/2021, chị Y đã thanh toán cho VPBank tổng số tiền là 1.670.707.269 đồng, trong đó nợ gốc là 786.076.885 đồng, nợ lãi là 844.639.384 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 25/7/2021 của chị Y gồm:

- Hợp đồng tín dụng số LN170120017751 ký ngày 08/02/2017: nợ gốc: 2.002.500.000 đồng, nợ lãi 934.540.769 đồng, phạt chậm trả: 132.170.890 đồng, tổng là: ***3.069.211.659 đồng***.

- Hợp đồng ký ngày 19/4/2017: nợ gốc: 51.015.084 đồng, nợ lãi: 39.842.592 đồng, phạt chậm trả: 5.726.793 đồng, ***tổng: 96.584.469 đồng***.

- Hợp đồng ký ngày 16/10/2017: nợ gốc: 40.039.429 đồng, nợ lãi: 31.120.160 đồng, phạt chậm trả: 4.501.061 đồng, ***tổng là: 75.660.650 đồng***.

- Hợp đồng ký ngày 25/12/2017: nợ gốc: 12.877.602 đồng, nợ lãi: 8.859.804 đồng, phạt chậm trả: 1.154.000 đồng, ***tổng là 22.891.406 đồng***.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 240-P-643900 mở ngày 10/3/2017: nợ gốc: 299.982.181 đồng, nợ lãi: 414.761.219 đồng, ***tổng: 714.743.400 đồng***.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu như trong đơn khởi kiện và những thay đổi trong quá trình giải quyết tại Tòa án. ***Cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau***:

(1) Buộc Chị Đào Hoàng Y (Bị đơn) phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) toàn bộ số nợ gốc và lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng nêu trên, khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng kèm theo tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/3/2022) còn nợ VPBank số tiền là **3.979.091.584 đồng** *(ba tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng)*, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 2.406.414.296 đồng;
- Nợ lãi: 1.429.124.544 đồng
- Phạt chậm trả: 143.552.744 đồng

(2) Buộc Chị Đào Hoàng Y phải tiếp tục chịu khoản lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các văn kiện tín dụng nêu trên cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ.

(3) Trường hợp Chị Đào Hoàng Y không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá, xử lý tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 43-2, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Chị Đào Hoàng Y theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BĐ 429092, số vào sổ cấp GCN 1444, do UBND quận Long Biên cấp ngày 29/9/2011, sang tên cho Chị Đào Hoàng Y ngày 24/12/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Long Biên. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 388/2017, quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 07/02/2017 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

(4) Trường hợp tài sản đảm bảo sau khi kê biên phát không đủ trả nợ, Chị Đào Hoàng Y có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

(5) Chị Đào Hoàng Y phải chịu án phí và các loại phí khác liên quan trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn là Chị Đào Hoàng Y*** *(do bà Ngô Thị Ph làm đại diện)* và ***những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn Th, bà Đỗ Thị H, anh Ngô Ngọc Ch và chị Trịnh Thị Như Q*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lời khai tại Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác minh thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành nghĩa vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là Chị Đào Hoàng Y có vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ là có căn cứ và cần chấp nhận. Đề nghị: Áp dụng Điều 26 BLTTDS; các Điều 351, 357, BLDS 2015, Luật các Tổ chức tín dụng 2017, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 2.406.414.296 đồng, nợ lãi và phạt vi phạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm như đại diện nguyên đơn đề nghị tại phiên tòa.

+ Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phạt mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là: toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 43-2, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 429092, số vào sổ cấp GCN 1444, do UBND quận Long Biên cấp ngày 29/9/2011.

+ Bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện tranh chấp phát sinh từ các văn kiện tín dụng với Chị Đào Hoàng Y. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* các đương sự gồm bà Ngô Thị Ph (đại diện cho bị đơn), ông Ngô Văn Th, bà Đỗ Thị H, anh Ngô Ngọc Ch và chị Trịnh Thị Như Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

- *Về chứng cứ:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không giao nộp văn bản ý kiến, không đến Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cung cấp cho Tòa án gồm: Hợp đồng tín dụng số LN170120001751 ngày 08/02/2017; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, không số, ghi ngày 19/4/2017, kèm theo Tờ trình phê duyệt của đơn vị cho vay; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, không số, ghi ngày 16/10/2017, kèm theo Tờ trình phê duyệt của đơn vị cho vay; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, không số, ghi ngày 25/12/2017, kèm theo Tờ trình phê duyệt của đơn vị cho vay; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử, không số, ghi ngày 10/3/2017; Khế ước nhận nợ lần 1 số LN1701200017751 ngày 08/02/2017, sao kê giao dịch thẻ tín dụng theo hợp đồng thẻ số 240-P-643900 ngày 17/3/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Về việc đơn khởi kiện nguyên đơn nêu các văn kiện tín dụng số 240-P-643900 mở ngày 10/3/2017, số LD1711100973 ký ngày 19/4/2017, số LD1729100300 ký ngày 16/10/2017 và số LD1801000377 ký ngày 25/12/2017 nhưng tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án là các văn kiện tín dụng không có số, được giao kết vào các ngày 10/3/2017, 19/4/2017, 16/10/2017 và 25/12/2017. Trong các bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giải trình các số hợp đồng là số trên hệ thống, còn bản ký với khách hàng chỉ có ngày mà không điền số, bản chất vẫn là các văn kiện tín dụng mà Chị Đào Hoàng Y đã giao kết với ngân hàng.

Xét Hợp đồng tín dụng số LN170120001751 ngày 08/02/2017, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 10/3/2017, các Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19/4/2017, ngày 16/10/2017 và ngày 25/12/2017 được ký kết giữa Vp Bank với chị Y có nội dung và hình thức phù hợp với pháp luật, người tham gia ký kết có đủ thẩm quyền nên có hiệu lực thi hành, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng số LN170120017751 ký ngày 08/02/2017:

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc là 2.002.500.000 đồng.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số LN170120017751 ký ngày 08/02/2017 thì lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/7/2017. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tương ứng với kỳ hạn của hợp đồng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Thỏa thuận về lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở để chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giao nộp các quyết định điều chỉnh lãi suất số 1027 ngày 25/11/2016, số 463 ngày 21/6/2017, số 722 ngày 26/9/2017, số 1020 ngày 29/12/2017, số 235 ngày 28/3/2018, số 458 ngày 19/6/2018, số 781 ngày 26/9/2018, số 991 ngày 06/12/2018, số 112 ngày 15/02/2019, số 393 ngày 14/6/2019, số 637 ngày 22/8/2019, số 908 ngày 22/11/2019, số 152 ngày 17/3/2020, số 406 ngày 01/9/2020, số 570 ngày 28/8/2020, số 728 ngày 20/10/2020, số 207 ngày 24/3/2021, số 404 ngày 15/6/2021 của Tổng GĐ Vp Bank v/v áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ. Xét việc điều chỉnh lãi suất theo các quyết định nêu trên phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ.

Do vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ lãi thể hiện tại bảng kê do nguyên đơn nộp tại phiên tòa, cụ thể lãi trong hạn là 60.651.926 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 873.888.843 đồng, tổng tiền lãi phải trả là 934.540.769 đồng.

[2.3] Về nợ gốc, lãi của các văn kiện tín dụng ngày 19/4/2017, ngày 16/10/2017 và ngày 25/12/2017:

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở để xác định: Cả 03 văn kiện tín dụng nêu trên, giao dịch rút tiền, trả tiền đều thể hiện

tại tài khoản thẻ số CIF 3415562, số hợp đồng 1.17E+08, theo đó số tiền nhận nợ theo hợp đồng ký ngày 19/42017 là 100.000.000 đồng thể hiện rút tiền vào ngày 21/4/2017; số tiền nhận nợ theo hợp đồng ký ngày 16/10/2017 là 87.000.000 đồng thể hiện rút tiền vào ngày 16/10/2017; số tiền nhận nợ theo hợp đồng ngày 215/12/2017 là 28.000.000 đồng rút tiền vào ngày 10/01/2018. Quá trình sử dụng tài khoản cá nhân, chị Y đã nhiều lần giao dịch chuyển tiền vào, rút tiền ra, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc của văn kiện tín dụng ngày 19/4/2017 là 51.015.084.000 đồng, văn kiện ngày 16/10/2017 nợ gốc là 40.039.429 đồng, văn kiện ngày 25/12/2017 nợ gốc là 12.877.602 đồng, tổng số tiền gốc bị đơn còn nợ của 03 văn kiện tín dụng nêu trên là 103.932.115 đồng.

Theo thỏa thuận tại các văn kiện tín dụng ký ngày 19/4/2017, ngày 16/10/2017 và ngày 25/12/2017 thì lãi suất cho vay trong hạn một mức (không điều chỉnh) là 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Thỏa thuận về lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào từng thời điểm phát sinh quá hạn của từng văn kiện tín dụng, có cơ sở để chấp nhận số tiền lãi cụ thể như sau:

- Văn kiện ngày 19/4/2017: lãi là 39.842.592 đồng

- Văn kiện ngày 16/10/2017: lãi là 31.120.160 đồng

- Văn kiện ngày 25/12/2017: lãi là 8.859.804 đồng.

[2.4] Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử Chị Đào Hoàng Y đã ký ngày 10/3/2017 và được Ngân hàng phê duyệt hạn mức là 300.000.000 đồng. Tài liệu thể hiện chị Y xác nhận đã đọc và đồng ý ràng buộc quyền và nghĩa vụ theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi tắt là *"Bản điều khoản"*), bản Điều khoản này là một bộ phận không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Theo theo bản sao kê tài khoản, số tiền thực tế chị Y đã giao dịch để xác định nợ gốc, kể từ ngày kích hoạt tài khoản (13/3/2017) cho đến ngày giao dịch lần cuối (11/10/2019), Đối chiếu với Điều 4 của Bản điều khoản quy định về "thanh toán và trả nợ", Điều 5 về "Lãi suất", Bảng tính lãi và các quyết định ban hành thay đổi lãi suất của thẻ tín dụng số 265 ngày 05/4/2018 và số 354 ngày 31/5/2019, có đủ cơ sở xác định chị Y còn nợ ngân hàng 299.982.181 đồng tiền gốc và 414.761.219 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.6] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền "phạt chậm trả":

Khoản 3 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số LN170120001751 ngày 08/02/2017, Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19/4/2017, ngày

16/10/2017 và ngày 25/12/2017 được ký kết giữa Vp Bank với chị Y, các bên thỏa thuận phải chịu số tiền phạt chậm trả trên khoản nợ lãi quá hạn theo công thức: số tiền lãi chậm trả (x) thời gian chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn. Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 12 Luật Ngân hàng nhà nước, Khoản 2, 3 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 1 Điều 13, Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước thì *"tổ chức tín dụng và khách hàng được thỏa thuận về việc phạt vi phạm... theo quy định của pháp luật..."*. Các văn kiện tín dụng được giao kết giữa chị Y với ngân hàng được thực hiện kể từ sau ngày 01/01/2017, do vậy áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *"trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tai hợp đồng tín dụng thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn"*. Trong trường hợp này, ngân hàng áp dụng mức phạt chậm trả không quá 10% là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2019, nên được chấp nhận.

[2.6] Bị đơn đã vi phạm Hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 91 và Điều 93 của Luật các tổ chức tín dụng. Nội dung thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả mà Ngân hàng áp dụng đối với các khoản vay của Chị Đào Hoàng Y tại 05 văn kiện tín dụng nêu trên phù hợp với Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-HNHH ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Chị Đào Hoàng Y phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ của cả 05 văn kiện tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là **3.979.091.584 đồng** *(ba tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng)*, trong đó bao gồm: 2.406.414.296 đồng nợ gốc, 1.429.124.544 đồng đồng nợ lãi và 143.552.744 đồng phạt chậm trả.

[2.7] Bị đơn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi của khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong từng văn kiện tín dụng cụ thể.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn:

[3.1] Về Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 388.2017 quyển số 01-2017 TP/CC-

SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Kinh Đô lập ngày 07/02/2017 giữa Bên thế chấp là Chị Đào Hoàng Y, Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Chi nhánh Sở Giao dịch, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 43-2 tờ bản đồ số 2, diện tích 138,1m^2 địa chi tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội cùng tài sản gắn liền với đất là nhà ở kết cấu bê tông, 2 tầng, diện tích xây dựng 48,89m^2, diện tích sàn là 97,78m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 429092, số vào sổ cấp GCN 1444 ngày 29/90/2011 của UBND quận Long Biên, đăng ký sang tên cho bên thế chấp ngày 2412/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận Long Biên. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Long Biên. Vì vậy, có căn cứ để xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp thì Chị Đào Hoàng Y là người đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nên Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa chị Y và Ngân hàng là hợp pháp, có hiệu lực.

[3.2] Về tài sản thế chấp: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 429092 ngày 29/90/2011 của UBND quận Long Biên, Báo cáo tư vấn về giá tài sản bảo đảm ngày 30/12/2016 của Công ty TNHH Thịnh Điền và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án thực hiện, thể hiện tài sản thế chấp tại thời điểm nhận thế chấp và phù hợp với Giấy chứng nhận, đến thời điểm Tòa án giải quyết vụ án không có thay đổi gì. Do vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản đảm bảo gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 318 của Bộ luật Dân sự.

Về diện tích đất thế chấp: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 429092 ngày 29/90/2011 của UBND quận Long Biên thì diện tích đất thế chấp là **138,1m^2**, kết quả đo đạc thực tế theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và bản Trích đo địa chính thửa đất do Công ty CP địa chính Thăng Long lập ngày 03/11/2021 thể hiện diện tích đất là **138,8m^2**. Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì kể từ khi được cấp sổ, chuyển nhượng, thế chấp cho đến nay không có thay đổi về mốc giới, không có tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề. UBND phường Long Biên cho biết hiện trạng sử dụng các hộ liền kề đều đã xây dựng nhà ở kiên cố và không tranh chấp mốc giới. UBND phường khẳng định việc diện tích chênh lệch giữa sổ với thực tế (0,7m^2) là **sai số do kỹ thuật đo đạc nằm trong sai số cho phép**. Do vậy có đủ cơ sở để xác định thửa đất thế chấp không có thay đổi về diện tích giữa thực tế với giấy chứng nhận.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định được trên nhà đất thế chấp có hộ gia đình ông Ngô Văn Th gồm có ông Th, bà Đỗ Thị H, anh

Ngô Ngọc Ch, chị Trịnh Thị Như Q và cháu Ngô Trịnh Khánh An đang sinh sống. (Theo đại diện ngân hàng trình bày tại phiên tòa thì ông Th là em ruột của bà ngoại chị Y, là chủ sử dụng đất được cấp GCN ban đầu, năm 2011 đã chuyển nhượng cho ông Phan Tiến Dũng, năm 2015 thì chị Y nhận chuyển nhượng lại nhà đất này). Do vậy, những người đang ở và có tên trong hộ khẩu có nghĩa vụ chấp hành bản án.

[3.4] Về phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp: Tại hợp đồng thế chấp, các bên thỏa thuận nghĩa vụ được đảm bảo là *"toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các các nghĩa vụ tài chính khác của chị Y đối với nguyên đơn phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được kyskeets giữa bên thế chấp với ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này..."*. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, nên có hiệu lực.

[4] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hoàn trả nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 292, 293, 318, 320, 322, 353 và 463 của Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 củ Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước;

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với Chị Đào Hoàng Y về tranh chấp các văn kiện tín dụng gồm: Hợp đồng số LN170120017751 ký ngày 08/02/2017 kèm khế ước nhận nợ, Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 19/4/2017, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 16/10/2017 Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 25/12/2017 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 10/3/2017.

Buộc Chị Đào Hoàng Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền **3.979.091.584 đồng** *(ba tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng)*, bao gồm 2.406.414.296 đồng *(hải tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng)* nợ gốc, 1.429.124.544 đồng *(một tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng)* nợ lãi và 143.552.744 đồng *(một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng)* phạt chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn và khoản tiền phạt vi phạm các bên thỏa thuận trong các văn kiện tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên.

2. Trường hợp Chị Đào Hoàng Y không trả được số nợ gốc và nợ lãi nêu trên hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 43-2 tờ bản đồ số 2, địa chỉ tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 429092, số vào sổ cấp GCN 1444 ngày 29/90/2011 của UBND quận Long Biên, đăng ký sang tên cho Chị Đào Hoàng Y ngày 24/12/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận Long Biên, cùng các công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất.

3. Tài sản bảo đảm nêu trên được xử lý để thanh toán cho các khoản nợ của Chị Đào Hoàng Y được nêu ở mục 1 phần Quyết định của Bản án này.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì Chị Đào Hoàng Y có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu.

Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp nêu trên thì những người có tên trong hộ khẩu, những người thực tế đang sinh sống tại nhà đất nêu trên đều có nghĩa vụ chấp hành bản án.

4. Về án phí:

- Bị đơn là Chị Đào Hoàng Y phải chịu 111.581.832 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 43.460.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016943 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Long Biên.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.